

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 17 - 02 - 2025
V/v: "tranh chấp hợp đồng
đầu tư"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Văn

Bà Dương Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Nhân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2024/QĐXXST-DS ngày 06/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 158/2024/QĐST-DS ngày 31/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-DS ngày 14/01/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Anh T, sinh năm 1955; địa chỉ: phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: Công ty Luật T; địa chỉ: phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, do ông Nguyễn Công H, bà Phạm Thị L. Theo văn bản uỷ quyền ngày 08/7/2024 và văn bản uỷ quyền ngày 11/11/2024. Ông H vắng mặt, bà L có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần M; địa chỉ: Khu Công nghiệp Tây Bắc, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: Ông M, Chủ tịch HĐQT; địa chỉ: phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: Công ty luật TN; địa chỉ trụ sở chính: quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, do ông Đ đại diện. Theo văn bản uỷ quyền ngày 16/10/2024.

Báo theo địa chỉ: phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Ý kiến của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Công H, bà Phạm Thị L trình bày:*

Ông Đặng Anh T và Công ty cổ phần M (sau đây gọi tắt là Công ty Mai Thanh) đã ký kết với nhau hai Hợp đồng hợp tác đầu tư là: Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 119/2022/HTĐT ngày 23/6/2022 và Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 512/2022/HTĐT ngày 23/12/2022. Nội dung và quá trình thực hiện hợp đồng giữa hai bên cụ thể như sau:

1. Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 119/2022/HTĐT ngày 23/6/2022

Theo Hợp đồng này ông T sẽ góp vốn đầu tư cùng Công ty M số tiền là 1.000.000.000 đồng với thời hạn đầu tư trong vòng 24 tháng, ngày kết thúc hợp đồng là ngày 23/6/2024. Trong thời gian đầu tư Công ty M sẽ trả số tiền gốc cho ông Tuấn theo chu kỳ 06 tháng/lần, mỗi lần tương đương với 25% giá trị của hợp đồng - tức là 250.000.000 đồng, cùng với mức ấn định lợi nhuận hàng tháng phải trả là 30.000.000 đồng trong vòng 24 tháng.

Sau khi ký kết hợp đồng ông T đã thực hiện việc chuyển tiền góp vốn đầu tư theo đúng thỏa thuận cho Công ty M thông qua hình thức chuyển khoản và được ghi nhận tại Phiếu thu số 037 và 038 quyền số MT04 được lập bởi Công ty M với tổng giá trị là 1.000.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng thì Công ty M không thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền gốc và thanh toán lợi nhuận cho ông theo đúng nội dung mà Công ty M đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Cụ thể ngày 11/03/2024 giữa ông và Công ty M đã lập biên bản đối chiếu các thỏa thuận của Hợp đồng thì tại thời điểm này Công ty M chỉ mới trả cho ông T được số tiền gốc là 490.000.000 đồng cùng với số tiền phân chia lợi nhuận từ tháng 7/2022 đến tháng 2/2023 (tương ứng với 7.5 tháng lợi nhuận) là 225.000.000 đồng. Sau khi hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ nêu trên thì Công ty M tiếp tục trả thêm 3 lần nữa với tổng số tiền là 170.000.000 đồng. Tại thời điểm tháng 7/2024 (thời điểm khởi kiện) thì Công ty M còn nợ 340.000.000 đồng tiền gốc và 495.000.000 đồng tiền lợi nhuận chưa trả của Hợp đồng số 119/2022/HTĐT ngày 23/6/2022, tổng số tiền phải trả là 835.000.000 đồng.

Sau khi ông T gửi Đơn khởi kiện đến Tòa án thành phố Đồng Hới Công ty M có trả thêm một số tiền là 70.000.000 đồng thông qua chuyển khoản, theo nguyên tắc có lợi cho Công ty M, ông T xác định đây là số tiền gốc trả cho Hợp đồng số 119/2022/HTĐT ngày 23/6/2022.

Tổng số tiền gốc tại Hợp đồng số 119 mà Công ty M đã chi trả cho ông Tuấn là 985.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 240.000.000 đồng và số tiền lợi nhuận chưa chi trả 16.5 tháng (01/2023 đến 23/06/2024) là 495.000.000 đồng.

2. Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 512/2022/HTĐT ngày 23/12/2022

Theo Hợp đồng này ông T góp vốn đầu tư với số tiền là 1.000.000.000 đồng với thời hạn đầu tư trong vòng 24 tháng, ngày kết thúc hợp đồng là ngày 23/12/2024. Trong thời gian thực hiện hợp đồng Công ty sẽ có nghĩa vụ trả nợ gốc cho ông T khi kết thúc hợp đồng cùng với đó là mức ấn định lợi nhuận hàng tháng là 30.000.000 đồng trong vòng 24 tháng.

Sau khi ký kết Hợp đồng ông T đã thực hiện nghĩa vụ chuyển đầy đủ số tiền góp vốn đầu tư là 1.000.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản và được ghi nhận trong Phiếu thu số 13 quyền số MT05 được lập bởi Công ty.

Tuy nhiên trong thời gian thực hiện hợp đồng Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán lợi nhuận hàng tháng, cụ thể bắt đầu từ ngày 23/12/2022 (ngày ký kết hợp đồng) đến nay Công ty chỉ mới chi trả cho ông Tuấn số tiền 150.000.000 đồng, tương ứng với 05 tháng tiền lợi nhuận ấn định hàng tháng mà Công ty đã cam kết. Số tiền lợi nhuận Công ty chưa chi trả cho ông T tính đến tháng 12/2023 đến 6/2024 (18 tháng) là 540.000.000 đồng.

Căn cứ theo Điều 422 Bộ luật Dân sự 2015 quy định Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây: “4. Hợp đồng bị hủy bỏ, bị đơn phương chấm dứt thực hiện”.

Căn cứ theo Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thì: “1. Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.....3. Khi hợp đồng bị đơn phương chấm dứt thực hiện thì hợp đồng chấm dứt kể từ thời điểm bên kia nhận được thông báo chấm dứt. Các bên không phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ....”.

Do Công ty đã nhiều lần vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán trả nợ gốc và tiền lợi nhuận của Hợp đồng hợp tác đầu tư số 512/2022/HTĐT ngày 23/12/2022 nên ông T đã có thông báo đơn phương chấm dứt Hợp đồng gửi Công ty Mai Thanh, đồng thời yêu cầu Công ty Mai Thanh phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lợi nhuận tính đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

Công ty còn nợ 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 540.000.000 đồng tiền lợi nhuận chưa trả tính đến ngày 23/6/2024, đã trả 150.000.000 đồng tiền lợi nhuận còn lại 390.000.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 1.390.000.000 đồng.

Nay đề nghị Tòa giải quyết như sau:

Buộc Công ty trả cho ông T số tiền của hai hợp đồng là 2.125.000.000 đồng, trong đó:

Nợ gốc là 1.240.000.000 đồng

Nợ tiền chia lợi nhuận là 885.000.000 đồng

** Ý kiến của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Đặng Văn trình bày:*

Việc kết hợp đồng giữa ông Đặng Anh T và Công ty là hoàn toàn tự nguyện không bên nào lừa dối hay ép buộc. Việc trả tiền lợi tức, tiền lãi, tiền gốc cho ông Tuấn được lấy từ kết quả hoạch định kinh doanh của Công ty. Trong quá trình hoạt động Công ty đã đầu tư máy móc trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm sinh lời.

Về số tiền gốc và lợi nhuận tại Hợp đồng số 119 mà Công ty đã chi trả cho ông Tuấn đã trả gốc là 985.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 240.000.000 đồng và số tiền lợi nhuận đã trả 225.000.000 đồng còn lại chưa trả 16.5 tháng (01/2023 đến 23/06/2024) là x 30.000. đồng 495.000.000 đồng. Ông đồng ý trả tiền lợi nhuận mỗi tháng 22.500.000 đồng x 16.5 tháng = 371.250.000 đồng.

Về Hợp đồng số 512, Công ty yêu cầu trả gốc 1.000.000.000 đồng tiền lợi nhuận 390.000.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 1.390.000.000 đồng.

Do ông T tự chấm dứt hợp đồng nên bị đơn không đồng ý trả tiền lợi nhuận, ông Tuấn phải chịu phạt theo hợp đồng là 20% tương đương là 200.000.000 đồng, nên Công ty trả số tiền gốc sau khi trừ đi số tiền phạt Hợp đồng và trả tiền lợi nhuận bị đơn đã trả 150.000.000 đồng còn lại gốc 650.000.000 đồng trả cho ông T.

Quá trình sản xuất kinh doanh gặp nhiều lý do khách quan Công ty không tránh khỏi những khó khăn nên công ty tạm thời trả cho ông T mỗi tháng 20 triệu đồng, Công ty cam kết trả đúng hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư”, tranh chấp phát sinh một bên là cá nhân và một bên có đăng ký kinh doanh có trụ sở tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không hoà giải được. Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ án; Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ ba, đại diện nguyên đơn và bị đơn có mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Ông Đặng Anh T và Công ty đã ký kết với nhau 02 Hợp đồng hợp tác đầu tư.

Hợp đồng Hợp tác đầu tư số: 119/2022/HTĐT ngày 23/6/2022 và Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 512/2022/HTĐT ngày 23/12/2022, được ký kết giữa bên A: Công ty (được gọi tắt bên A); bên B: ông Đặng Anh T (được gọi tắt bên B).

Sau khi ký kết hợp Hợp đồng Hợp tác đầu tư số: 119/2022/HTĐT ngày 23/6/2022, bên B đã chuyển tiền cho bên A số tiền 01 tỷ đồng. Sau đó bên A và bên B kết kết thêm Hợp đồng Hợp tác đầu tư số: 512/2022/HTĐT ngày 23/12/2022, bên B chuyển cho bên A 01 tỷ đồng hai hợp đồng bên B đã chuyển cho bên A là 02 tỷ đồng.

Như vậy bên A và bên B ký kết hai hợp đồng hợp tác đầu tư vào ngày 23/6/2022 và ngày 23/12/2022. Tại phiên tòa các bên đã thừa nhận không có tranh chấp về nội dung và hình thức của hợp đồng, các bên tham gia ký kết đều có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, khi tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của Điều 117, 119 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của bên B yêu cầu bên A trả số tiền theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 119/2022/HTĐT ngày 23/6/2022 số tiền gốc 240.000.000 đồng, tiền lợi nhuận 495.000.000 đồng; trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 512/2022/HTĐT

ngày 23/12/2022 số tiền gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lợi nhuận 390.000.000 đồng. Tổng cộng hai hợp đồng là 2.125.000.0000 đồng, trong đó gốc 1.240.000.000 đồng, lợi nhuận 885.000.000 đồng.

Theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 119 bên B đã chuyển trả tiền cho bên A số tiền 01 tỷ đồng qua hai đợt; đợt 01 vào ngày 24/6/2022 chuyển 950 triệu đồng, đợt hai vào ngày 23/6/2022 chuyển 50 triệu đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên A đã trả gốc cho bên B qua nhiều lần với số tiền 760.000.000 đồng, tiền chia lợi nhuận phải trả 24 tháng đã trả được 7.5 tháng 225.000.000 đồng còn lại tiền lợi nhuận 16.5 tháng chưa trả mỗi tháng bình quân 30.000.000 đồng là 490.000.000 đồng. Cộng 735.000.000 đồng. Tại phiên toà bên A thừa nhận đang nợ bên B số tiền gốc là 240.000.000 đồng nên đồng ý trả gốc cho bên B. Về tiền lợi nhuận thừa nhận đã trả cho bên B là 7.5 tháng bằng 225.000.000 đồng còn lại tiền lợi nhuận 16.5 tháng chưa trả bên A đồng ý trả 22.500.000 đồng/tháng, không đồng ý trả 30.000.000 đồng/tháng như bên B yêu cầu.

Theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số: 512/2022/HTĐT ngày 23/12/2022 cùng ngày bên B đã chuyển khoản cho bên A số tiền 01 tỷ đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên A đã trả 150.000.000 đồng tiền lợi nhuận tương đương 5 tháng còn lại tiền lợi nhuận 13 tháng (23/6/2023 đến 23/6/2024) là 390.000.000 đồng chưa trả. Cộng 1.390.000.000 đồng. Tại phiên toà bên A thừa nhận còn nợ tiền gốc 01 tỷ là tiền lợi nhuận theo hợp đồng tương đương 30.000.000 đồng tháng đã trả 150.000.000 đồng tiền lợi nhuận tương đương 5 tháng còn lại 13 tháng chưa trả, Nhưng do bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng nên bên B phải chịu phạt 20% theo Điều 9 của hợp đồng tương đương với số tiền 200.000.000 đồng, bên B tự đơn phương chấm dứt hợp đồng nên không tính vào tiền lợi nhuận. Bên A đồng ý trả cho bên B số tiền 01 tỷ nhưng trừ đi 150.000.000 đồng và 200.000.000 đồng tiền phạt hợp đồng còn lại 650.000.000 đồng bên A trả cho bên B.

Qua ý kiến của bên A như trên nhưng căn cứ theo Điều 5 của Hợp đồng Hợp tác đầu tư số: 119/2022/HTĐT ngày 23/6/2022, quy định về hình thức phân chia lợi nhuận: *“Bên A là Công ty Cổ phần Mai Thanh Group chi trả số tiền gốc cho Bên B ông Đặng Anh Tuấn, theo chu kỳ 06 tháng/lần (tương ứng 25 %/giá trị hợp đồng) là 250.000.000 đồng; Bên B được chia lợi nhuận với mức ấn định nhận hàng tháng là: 30.000.000 đồng/tháng; Nếu ngày chi trả vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết thì việc chi trả sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo”*.

Điều 4 của Hợp đồng số 119 quy định thời hạn đầu tư 24 tháng từ ngày 23/6/2022 đến 23/6/2024.

Tại Điều 5 của Hợp đồng Hợp tác đầu tư số: 512/2022/HTĐT ngày 23/12/2022, quy định về hình thức phân chia lợi nhuận: *“Bên A là Công ty Cổ phần Mai Thanh Group chia lợi nhuận cho Bên B ông Đặng Anh Tuấn, theo ngày ghi trên hợp đồng là 30.000.000 đồng/tháng; Nếu ngày chi trả vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết thì việc chi trả sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo. Bên A sẽ thanh toán cho bên B số tiền gốc của hợp đồng vào kỳ cuối kết thúc hợp đồng”*.

Điều 4 của Hợp đồng số 512 quy định thời hạn đầu tư 24 tháng từ ngày 02/12/2022 đến 24/12/2024.

Như vậy theo yêu cầu của bên B yêu cầu bên A trả số tiền gốc và tiền lợi nhuận như trên. Trong quá trình giải quyết vụ án bên A đã thừa nhận đã được một số tiền gốc và một số tiền lợi nhuận cho bên B. Còn lại một số tiền gốc và tiền lợi nhuận chưa trả.

Căn cứ vào Điều 4 và Điều 5 của Hợp đồng số 119 và Hợp đồng số 512 xác định được bên A đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cụ thể theo Hợp đồng số 119 trả tiền lợi nhuận 7.5 tháng chưa trả 16.5 tháng tiền lợi nhuận. Hợp đồng 512 trả 5 tháng tiền lợi nhuận, từ tháng 6/2023 đến tháng 6/2024 còn lại tiền 13 tháng lợi nhuận chưa trả nên bên A đã vi phạm hợp đồng. Cho nên yêu cầu của bên B yêu cầu bên A trả số tiền gốc và tiền lợi nhuận của hai hợp đồng trên là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Trong giấy chuyển tiền 01 tỷ đồng theo hợp đồng số 512 có ghi tên ông Đặng Anh Tuấn và ông Đoàn Duy Khương. Tuy nhiên theo trình bày của ông Tuấn, hiện ông Khương sinh sống tại Sài Gòn không liên lạc được, hơn nữa tuy trong giấy nhận tiền có ghi tên ông Khương nhưng tiền của ông Tuấn và tại hợp đồng số 512 chỉ có tên ông Tuấn không có tên ông Khương, theo giấy chuyển khoản là ông Tuấn đã chuyển khoản theo tài khoản của ông Tuấn, ông Tuấn cam kết là tiền của ông Tuấn. Do đó, Tòa án chấp nhận buộc Công ty Cổ phần Mai Thanh Group trả cho ông Tuấn số tiền quy định tại hợp đồng số 512 với số tiền gốc 01 tỷ và tiền lợi nhuận 390.000.000 đồng. Sau này giữ ông Tuấn và ông Khương có tranh chấp khoản tiền này thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải trả cho nguyên đơn là 2.125.000.000 đồng là 72 triệu cộng 2% của phần giá trị có tài sản tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng, là 125.000.000 đồng $\times 2\% = 2.500.000$ đồng + 72.000.000 đồng = 74.500.000 đồng, để nộp ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, khi nộp tạm ứng án phí nguyên đơn được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Anh Tuấn.
2. Buộc Công ty cổ phần M phải trả cho ông Đặng Anh T tổng số tiền nợ gốc và nợ tiền lợi nhuận là 2.125.000.000 đồng. Trong đó, nợ theo Hợp tác đầu tư số 119/2022/HTĐT ngày 23/6/2022, gốc 240.000.000 đồng, tiền lợi nhuận 495.000.000 đồng. Theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số: 512/2022/HTĐT ngày 23/12/2022, gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lợi nhuận 390.000.000 đồng.
3. Số tiền buộc Công ty cổ phần M trả cho ông Đặng Anh T, theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số: 512/2022/HTĐT ngày 23/12/2022, gốc 1.000.000.000

đồng, tiền lợi nhuận 390.000.000 đồng. Sau này ông Đặng Anh T và ông Đoàn Duy Kh có tranh chấp khoản tiền này Toà án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Buộc bị đơn Công ty cổ phần M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 74.500.000 đồng, để nộp ngân sách Nhà nước.

- Nguyên đơn ông Đặng Anh T không phải chịu án phí.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 17/02/2025, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

Hoàng Văn Lộc